

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2.302	788	749	765	-
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2232 (96,95%)	781 (34,4%)	720 (31,3%)	731 (31,75%)	-
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57 (2,47%)	4 (0,17%)	19 (0,8%)	34 (1,47%)	-
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	9 (0,39%)	1 (0,043%)	8 (0,34%)	0	-
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0,17%)	2 (0,08%)	2 (0,08%)	0	-
II	Số học sinh chia theo học lực	2.302	788	749	765	-
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	957 (41,57%)	286 (12,42%)	358 (15,55%)	313 (13,59%)	-
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1080 (46,91%)	396 (17,2%)	301 (13,07%)	383 (16,63%)	-
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	261 (11,33%)	106 (4,60%)	86 (3,73%)	69 (2,99%)	-
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0,17%)	0	4 (0,17%)	0	-
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	-

III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2.302	788	749	765	-
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	957 (41,5%)	286 (12,42%)	358 (15,55%)	313 (13,59%)	-
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1080 (46,91%)	396 (17,20%)	301 (13,07%)	383 (16,63%)	-
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0,17%)	0	4 (0,17%)	0	-
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/28 (0,52%/1,21%)	9/12 (0,39%/0,52%)	3/15 (0,13%/0,65%)	1/0 (0,043%/0)	-
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	-
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	-	-	-	-	-
2	Cấp tỉnh/thành phố	35	1	1	33	-
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	-	-	-	-	-
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	765	-	-	765	-
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	764	-	-	764	-
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-

3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1.100/1.202	376/412	368/381	365/409	-
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	73	25	17	31	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Minh

Trần Ngọc Minh



